TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/KDTM-PT
Ngày: 09-5-2018
V/v tranh chấp kinh doanh
thương mại hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mỹ

Các Thẩm phán: Ông Lê Hồng Nước
Ông Trần Phước Hội

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Phan Trung Quốc - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2017/TLPT-KDTM ngày 01 tháng 12 năm 2017 về việc "Tranh chấp kinh doanh thương mại hợp đồng tín dụng".

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2017/KDTM-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 101^{A}/2018/QĐ-PT ngày 19 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng T

Địa chỉ: Số nhà 108, đường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn T – Chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị. Là người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của Chủ tịch Hội đồng quản trị: Ông Nguyễn Thanh H – Giám đốc Ngân hàng T – Chi nhánh Đồng Tháp. Địa chỉ: Số 87, đường N, Phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 17/9/2015).

Người đại diện hợp pháp của Giám đốc Ngân hàng T – Chi nhánh Đồng Tháp: Ông Nguyễn Thành T – Cán bộ Phòng Tổng hợp – Ngân hàng T – Chi nhánh Đồng Tháp. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 14/3/2017).

Bị đơn: Anh Nguyễn Thái T, sinh năm 1982
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Chị Lý Thị Diễm K, sinh năm 1985
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2/ Anh Lý Văn Dũng N, sinh năm 1982

3/ Chị Bùi Thị Kiều P, sinh năm 1981

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

4/ Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1956

5/ Bà Phan Ánh N, sinh năm 1956

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

6/ Anh Trương Văn L, sinh năm 1977

7/ Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1980

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã Tân C, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của anh Trương Văn L: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1980. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 08/5/2018).

8/ Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1984
Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

9/ Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1989
Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

10/ Anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1991

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Văn T3: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1956. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 07/5/2018).

11/ Chị Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1991

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn C và bà Phan Ánh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng T trình bày:

Theo hợp đồng tín dụng số 13330018/2013-HĐTDHM/NHCT720 ngày 31/10/2013, anh Nguyễn Thái T có vay của Ngân hàng T – Chi nhánh Đồng Tháp số tiền: 2.390.000.000 đồng, hạn trả nợ vào ngày 30-10-2014 nhưng đến nay anh T vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng. Lãi tạm tính đến ngày 29-4-2016 là 521.408.750 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi là 2.911.408.750 đồng. Nay, Ngân hàng yêu cầu anh Nguyễn Thái T cùng những người liên quan là chị Lý Thị Diễm K, anh Lý Văn Dũng N, chị Bùi Thị Kiều P, ông Nguyễn Văn C, bà Phan Ánh N, anh Trương Văn L, chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn T1, anh Nguyễn Văn T2, anh Nguyễn Văn T3 và chị Nguyễn Thị Kim C cùng liên đới trả cho Ngân hàng T – Chi nhánh Đồng Tháp số tiền mà anh Tự vay Ngân hàng còn nợ và tiếp tục chịu lãi phát sinh trên số tiền nợ vốn gốc đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng, đồng thời yêu cầu xử lý tài sản thế chấp bảo đảm để thi hành án.

Khi vay, anh Nguyễn Thái T và người liên quan có thế chấp tài sản bảo đảm cho Ngân hàng T – Chi nhánh Đồng Tháp tài sản gồm:

+ Quyền sử dụng đất ở tại nông thôn, diện tích 350 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO383819 do UBND huyện T cấp ngày 27/10/2009, do bà Lý Thị Diễm K đứng tên.

+ Quyền sử dụng đất thổ diện tích 320 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T318566 do UBND huyện T cấp ngày 25/03/2002, do hộ ông Nguyễn Thái T đứng tên.

+ Quyền sử dụng đất lúa diện tích 17.460 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L678111 do UBND huyện T cấp ngày 21/05/1998, do ông Nguyễn Thái T đứng tên.

+ Quyền sử dụng đất lúa diện tích 12.375 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 261117 do UBND huyện T cấp ngày 01/03/2010, do bà Lý Thị Diễm K đứng tên.

+ Quyền sử dụng đất lúa diện tích 15.955 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 556795 do UBND huyện T cấp ngày 21/05/1998, do bà Nguyễn Thị L đứng tên.

+ Quyền sử dụng đất lúa diện tích 6.480 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 518102 do UBND huyện T cấp ngày 09/10/2006, do hộ bà Phan Ánh N đứng tên.

+ Quyền sử dụng đất lúa diện tích 19.440 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 751526; AD 751528; AD 751529 do UBND huyện T cấp ngày 02/11/2005, do hộ bà Phan Ánh N đứng tên.

+ Quyền sử dụng đất lúa diện tích 11.806m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 070407; AG 070408; AG 070499; AG 518001 do UBND huyện T cấp ngày 21/09/2006, do hộ ông Lý Văn Dũng N đứng tên.

+ Quyền sử dụng đất lúa diện tích 14.435m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 290097 do UBND huyện T cấp ngày 06/12/1996, do ông Trương Văn L đứng tên.

Mặc dù Ngân hàng T – Chi nhánh Đồng Tháp đã làm việc, đôn đốc nhiều lần, anh Nguyễn Thái T có cam kết nhưng không thực hiện trả nợ, vi phạm hợp đồng tín dụng.

Vì những lý do trên; Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc anh Nguyễn Thái T cùng những người liên quan là chị Lý Thị Diễm K, anh Lý Văn Dũng N, chị Bùi Thị Kiều P, ông Nguyễn Văn C, bà Phan Ánh N, anh Trương Văn L và chị Nguyễn Thị L trả cho Ngân hàng T số tiền gốc là 2.390.000.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 29/04/2016 là 521.408.750 đồng. Tổng cộng 2.911.408.750 đồng và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 13330018/2013-HĐTDHM/NHCT720 ngày 31/10/2013 đến ngày anh T trả hết nợ cho Ngân hàng T. Đối với anh Lý Văn Dũng N, chị Bùi Thị Kiều P, ông

Nguyễn Văn C, bà Phan Ánh N, anh Trương Văn L, chị Nguyễn Thị L phải liên đới thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng thế chấp bảo đảm đã ký với Ngân hàng T – Chi nhánh Đồng Tháp. Đồng thời yêu cầu xử lý tài sản thế chấp bảo đảm để thi hành án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Nguyễn Thái T trình bày: Anh T thống nhất theo lời trình bày của đại diện Ngân hàng T, đồng ý trả cho Ngân hàng T số tiền gốc là 2.390.000.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 29/04/2016 là 521.408.750 đồng. Tổng cộng 2.911.408.750 đồng và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 13330018/2013-HĐTDHM/NHCT720 ngày 31/10/2013 đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên hòa giải ngày 29/4/2016, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lý Thị Diễm K trình bày: Chị K thống nhất theo lời trình bày của anh T, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên hòa giải ngày 29/4/2016, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lý Văn Dũng N và chị Bùi Thị Kiều P trình bày: Anh N và chị P không đồng ý liên đới trả nợ vay của anh T theo yêu cầu của Ngân hàng. Vì trước đây là chỗ tình nghĩa nên anh N chị P cho anh T mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để anh T đi thế chấp, còn việc vay thế nào vợ chồng anh N không biết. Yêu cầu Ngân hàng T trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại cho anh N chị P.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C và bà Phan Ánh N trình bày:

Qua ý kiến của đại diện Ngân hàng T, ông Công và bà Nguyệt không đồng ý liên đới trả số tiền vay của anh Nguyễn Thái T. Ông C và bà N cho rằng do trước đây là chỗ tình nghĩa nên ông bà cho vợ chồng anh T, chị K mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp còn việc vay thế nào ông bà không biết. Nhưng nếu anh T và chị K không có điều kiện trả nợ vay thì ông C, bà N sẽ cho 05 công đất ruộng để bán trả nợ cho Ngân hàng T. Đồng thời yêu cầu Ngân hàng T trả lại giấy chứng nhận quyền sử đất lại cho vợ chồng ông bà.

Tại phiên hòa giải ngày 29/4/2016, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trương Văn L và chị Nguyễn Thị L trình bày: Anh L và chị L không đồng ý liên đới trả nợ vay của anh T theo yêu cầu của Ngân hàng. Vì trước đây là chỗ tình nghĩa nên anh L chị L cho anh T mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

để anh T đi thế chấp, còn việc vay thế nào vợ chồng anh L không biết. Yêu cầu Ngân hàng T trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại cho anh L chị L.

Tại quyết định Bản án sơ thẩm số 02/2017/KDTM-ST ngày 28/9/2017 của Toà án nhân dân huyện T đã tuyên:

- Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng T.

- Buộc anh Nguyễn Thái T và chị Lý Thị Diễm K liên đới trả cho Ngân hàng T số tiền nợ vốn gốc là: 2.390.000.000 đồng; Lãi là: 984.770.500 đồng. Tổng cộng vốn gốc và lãi là: 3.374.770.500 đồng theo Hợp đồng tín dụng số13330018/2013-HĐTDHM/NHCT720 ngày 31/10/2013 đến khi anh T chị K trả hết nợ cho Ngân hàng T.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm anh Nguyễn Thái T và chị Lý Thị Diễm K còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

- Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng T về việc yêu cầu buộc anh Lý Văn Dũng N, Bùi Thị Kiều P, Nguyễn Văn C, Phan Ánh N, Trương Văn L, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Thị Kim C, liên đới cùng anh T chị K trả số tiền mà anh T, chị K vay còn nợ Ngân hàng.

Trường hợp anh Nguyễn Thái T, chị Lý Thị Diễm K không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng T được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, cụ thể tài sản là:

+ Quyền sử dụng đất ở tại nông thôn diện tích 350 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO383819 do UBND huyện T cấp ngày 27/10/2009, do chị Lý Thị Diễm K đứng tên.

+ Quyền sử dụng đất thổ cư diện tích 320 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T318566 do UBND huyện T cấp ngày 25/03/2002, do hộ anh Nguyễn Thái T đứng tên.

+ Quyền sử dụng đất lúa diện tích 17.460 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L678111 do UBND huyện T cấp ngày 21/05/1998, do anh Nguyễn Thái T đứng tên.

+ Quyền sử dụng đất lúa diện tích 12.375 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB261117 do UBND huyện T cấp ngày 01/03/2010, do chị Lý Thị Diễm K đứng tên.

+ Quyền sử dụng đất lúa diện tích 15.955 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K556795 do UBND huyện T cấp ngày 21/05/1998, do chị Nguyễn Thị L đứng tên.

+ Quyền sử dụng đất lúa diện tích 6.480 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG518102 do UBND huyện T cấp ngày 09/10/2006, do hộ bà Phan Ánh N đứng tên.

+ Quyền sử dụng đất lúa diện tích 19.440 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD751526; AD751528; AD751529 do UBND huyện T cấp ngày 02/11/2005, do hộ bà Phan Ánh N đứng tên.

+ Quyền sử dụng đất lúa diện tích 11.806 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG070407; AG070408; AG070499; AG518001 do UBND huyện T ngày 21/09/2006, do hộ anh Lý Văn Dũng N đứng tên.

+ Quyền sử dụng đất lúa diện tích 14.435 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I290097 do UBND huyện T cấp ngày 06/12/1996, do anh Trương Văn L đứng tên.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Nguyễn Thái T và chị Lý Thị Diễm K phải chịu là: 99.495.000 đồng (chín mươi chín triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

- Chị Bùi Thị Kiều P, anh Lý Văn Dũng N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) được trừ 200.000 đồng mà chị P đã nộp theo Biên lai thu số 036162 ngày 23/5/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp, chị Kiều P, anh Dũng N không phải nộp thêm.

- Ngân hàng T được hoàn lại 43.976.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 036040 ngày 08/3/2016 và 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 03613 ngày 19/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền và thời hạn kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17/10/2017 ông Nguyễn Văn C và bà Phan Ánh N có đơn kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm số 02/2017/KDTM-ST ngày 28/9/2017, không đồng ý nội dung quyết định tuyên: "*Trường hợp ông Nguyễn Thái T, bà Lý Thị Diễm K không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng T được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, cụ thể tài sản là:*

……..

+ Quyền sử dụng đất lúa diện tích 6.480 m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG518102 do UBND huyện T cấp ngày 09/10/2006, do hộ bà Phan Ánh N đứng tên.

+ Quyền sử dụng đất lúa diện tích 19.440 m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD751526; AD751528; AD751529 do UBND huyện T cấp ngày 02/11/2005, do hộ bà Phan Ánh N đứng tên".

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C và bà Phan Ánh N trình bày:

Ông C và bà N không đồng ý phần Bản án sơ thẩm số 02/2017/KDTM-ST ngày 28/9/2017 tuyên về việc sẽ đảm bảo thi hành án đối với số tiền nợ của anh T bằng quyền sử dụng đất lúa diện tích 6.480 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG518102 do hộ bà Phan Ánh N đứng tên được UBND huyện T cấp ngày 09/10/2006 và quyền sử dụng đất lúa diện tích 19.440 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD751526; AD751528; AD751529 do hộ bà Phan Ánh N đứng tên được UBND huyện T cấp ngày 02/11/2005. Bởi vì ông C và bà N cho rằng ông bà không có ký tên vào hợp đồng thế chấp. Tuy nhiên, ông bà không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của ông bà và cũng không yêu cầu giám định đối với chữ ký, chữ viết tên Nguyễn Văn C và Phan Ánh N trong Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 12330009/TC ngày 26/6/2012.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng T – Chi nhánh Đồng Tháp ông Nguyễn Thành T trình bày:

Ngân hàng đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 02/2017/KDTM-ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện T.

Bị đơn anh Nguyễn Thái T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lý Thị Diễm K trình bày: Anh T, chị K đồng ý thanh toán nợ vay gốc và lãi theo yêu cầu của Ngân hàng T, không có ý kiến đối với Bản án sơ thẩm số 02/2017/KDTM-ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn T1, anh Nguyễn Văn T2 và chị Nguyễn Thị Kim C trình bày:

Không đồng ý phần Bản án sơ thẩm số 02/2017/KDTM-ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện T tuyên về việc sẽ đảm bảo thi hành án đối với số tiền nợ của anh T bằng các quyền sử dụng đất do hộ bà Phan Ánh N đang đứng tên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trương Văn L có người đại diện theo ủy quyền là chị Nguyễn Thị L trình bày: Không đồng ý phần Bản án sơ thẩm số 02/2017/KDTM-ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện T tuyên về việc sẽ đảm bảo thi hành án đối với số tiền nợ của anh T bằng các quyền sử dụng đất do hộ bà Phan Ánh N đang đứng tên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T3 có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn C trình bày: Không đồng ý phần Bản án sơ thẩm số 02/2017/KDTM-ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện T tuyên về việc sẽ đảm bảo thi hành án đối với số tiền nợ của anh T bằng các quyền sử dụng đất do hộ bà Phan Ánh N đang đứng tên

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về chấp hành pháp luật tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm xét xử vụ án. Đối với các đương sự, từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 và chấp hành đúng nội quy phiên tòa quy định tại Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn C và bà Phan Ánh N: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông C và bà N, giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2017/KDTM-ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2]. Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn C và bà Phan Ánh N là quá thời hạn luật định nhưng do có trở ngại khách quan và đã được xem xét chấp nhận việc kháng cáo quá hạn của ông bà theo Quyết định số 01/2017/QĐ-TA ngày 07/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Đơn kháng cáo là hợp lệ.

[3]. Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Bùi Thị Kiều P và anh Lý Văn Dũng N: Chị P và anh N đều không có đơn kháng cáo và đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Xét nội dung kháng cáo:

[4.1]. Ông C và bà N không đồng ý phần Bản án sơ thẩm số 02/2017/KDTM-ST ngày 28/9/2017 tuyên về việc sẽ đảm bảo thi hành án đối với số tiền nợ của anh T bằng quyền sử dụng đất lúa diện tích 6.480 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG518102 do hộ bà Phan Ánh N đứng tên được UBND huyện T cấp ngày 09/10/2006 và quyền sử dụng đất lúa diện tích 19.440 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD751526; AD751528; AD751529 do hộ bà Phan Ánh N đứng tên được UBND huyện T cấp ngày 02/11/2005.

Theo hồ sơ vụ án thể hiện vào ngày 26/6/2012 ông Nguyễn Văn C và bà Phan Ánh N đã ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 12330009/TC với Ngân hàng T – Chi nhánh Đồng Tháp để đảm bảo nợ vay của anh Nguyễn Thái T tại Ngân hàng. Tài sản thế chấp gồm:

Quyền sử dụng đất lúa diện tích 6.480 m^2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG518102 được UBND huyện T cấp ngày 09/10/2006, do hộ bà Phan Ánh N đứng tên.

Quyền sử dụng đất lúa diện tích 19.440 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD751526, AD751528 và AD751529 được UBND huyện T cấp ngày 02/11/2005 do hộ bà Phan Ánh N đứng tên.

Bên cạnh đó, trang bổ sung của Hợp đồng thế chấp số 12330009/TC còn có anh Nguyễn Văn T2, anh Nguyễn Văn T1, anh Nguyễn Văn T3 và chị Nguyễn Thị Kim C cùng ký tên vào mục bên thế chấp.

[4.2]. Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 12330009/TC ngày 26/6/2012 đã được lập theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Nội dung Hợp đồng thế chấp quy định rõ quyền và nghĩa vụ của các bên, nghĩa vụ được bảo đảm, giá trị tài sản thế chấp, phương thức xử lý tài sản bảo đảm…

[4.3]. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, ông C và bà N xác định ông bà không có ký tên vào hợp đồng thế chấp, nhưng ông bà không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của ông bà. Mặc khác, ông bà cũng không yêu cầu giám định đối với chữ ký, chữ viết tên Nguyễn Văn C và Phan Ánh N trong Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 12330009/TC ngày 26/6/2012.

[4.4]. Như vậy, việc ông Nguyễn Văn C và bà Phan Ánh N kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm số 02/2017/KDTM-ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện T là không có căn cứ để chấp nhận như đã nhận định nêu trên.

[5]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn C và bà Phan Ánh N, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 02/2017/KDTM-ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện T.

[6]. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7]. Vị Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm như sau: Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về nội dung: Đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 02/2017/KDTM-ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện T.

Xét thấy, ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

[8]. Xét thấy, Điều 2 Luật người cao tuổi quy định người cao tuổi là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên. Như vậy, ông Nguyễn Văn C sinh năm 1956 và bà Phan Ánh N sinh năm 1956 nên thuộc đối tượng là người cao tuổi. Do đó,

tuy Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nhưng ông C và bà N không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn C và bà Phan Ánh N, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 02/2017/KDTM-ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện T.

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng T.

Buộc anh Nguyễn Thái T và chị Lý Thị Diễm K liên đới trả cho Ngân hàng T số tiền nợ vốn gốc là 2.390.000.000 đồng và lãi là 984.770.500 đồng. Tổng cộng vốn gốc và lãi là 3.374.770.500 đồng theo Hợp đồng tín dụng số13330018/2013-HĐTDHM/NHCT720 ngày 31/10/2013 đến khi anh Tự chị K trả hết nợ cho Ngân hàng T.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 28/9/2017 anh Nguyễn Thái T và chị Lý Thị Diễm K còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng T về việc yêu cầu buộc anh Lý Văn Dũng N, chị Bùi Thị Kiều P, ông Nguyễn Văn C, bà Phan Ánh N, anh Trương Văn L, chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn T2, anh Nguyễn Văn T1, anh Nguyễn Văn T3 và chị Nguyễn Thị Kim C, liên đới cùng anh T chị K trả số tiền mà anh T, chị K vay còn nợ Ngân hàng.

Trường hợp ông Nguyễn Thái T, bà Lý Thị Diễm K không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp gồm:

Quyền sử dụng đất ở tại nông thôn diện tích 350 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO383819 được UBND huyện T cấp ngày 27/10/2009, do bà Lý Thị Diễm K đứng tên.

Quyền sử dụng đất thổ cư diện tích 320 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T318566 được UBND huyện T cấp ngày 25/03/2002, do hộ ông Nguyễn Thái T đứng tên.

Quyền sử dụng đất lúa diện tích 17.460 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L678111 được UBND huyện T cấp ngày 21/05/1998, do ông Nguyễn Thái T đứng tên.

Quyền sử dụng đất lúa diện tích 12.375 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB261117 được UBND huyện T cấp ngày 01/03/2010, do bà Lý Thị Diễm K đứng tên.

Quyền sử dụng đất lúa diện tích 15.955 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K556795 được UBND huyện T cấp ngày 21/05/1998, do bà Nguyễn Thị L đứng tên.

Quyền sử dụng đất lúa diện tích 6.480 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG518102 được UBND huyện T cấp ngày 09/10/2006, do hộ bà Phan Ánh N đứng tên.

Quyền sử dụng đất lúa diện tích 19.440 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD751526; AD751528; AD751529 được UBND huyện T cấp ngày 02/11/2005, do hộ bà Phan Ánh N đứng tên.

Quyền sử dụng đất lúa diện tích 11.806 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG070407; AG070408; AG070499; AG518001 được UBND huyện T ngày 21/09/2006, do hộ ông Lý Văn Dũng N đứng tên.

Quyền sử dụng đất lúa diện tích 14.435 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I290097 được UBND huyện T cấp ngày 06/12/1996, do ông Trương Văn L đứng tên.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Thái T và chị Lý Thị Diễm K phải chịu là 99.495.000 đồng (Chín mươi chín triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Chị Bùi Thị Kiều P, anh Lý Văn Dũng N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng mà chị P đã nộp theo Biên lai thu số 036162 ngày 23/5/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp, chị Kiều P và anh Dũng N không phải nộp thêm.

Ngân hàng T được hoàn lại 43.976.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 036040 ngày 08/3/2016 và 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 03613 ngày 19/4/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn C và bà Phan Ánh N không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện T;
- Cục THADS Tỉnh;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, THC (L).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Mỹ